

Số: 1090/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;
Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 60/TTr-STP ngày 27/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung; Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tư pháp

a) Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung cụ thể của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử của Sở và niêm yết công khai tại cơ quan.

b) Thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đối với các TTHC mới ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, đơn vị có liên quan đăng tải công khai nội dung cụ thể TTHC (*đính kèm Quyết định này*) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

3. UBND cấp xã thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung TTHC theo quy định; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; bãi bỏ nội dung công bố TTHC trong lĩnh vực chứng thực tại các Quyết định: số 1813/QĐ-UBND ngày 16/11/2021; số 1878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; số 207/QĐ-UBND ngày 12/02/2025; số 446/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC_(Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; TTHC BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. DANH MỤC TTHC DÙNG CHUNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
01	2.000908.00.00.00.H48	Cấp bản sao từ sổ gốc	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan, tổ chức lưu sổ gốc hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
01	2.000815.00.00.00.H48	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
02	2.000884.00.00.00.H48	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.		
03	2.001035.00.00.00.H48	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã nơi có thẩm quyền		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
04	2.001019.00.00.00.H48	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	UBND cấp xã		hiện hành.
05	2.001016.000.00.00.H48	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
06	2.001406.0 00.00.00.H4 8	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
07	2.001009.0 00.00.00.H4 8	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã		Điều chỉnh kỹ thuật để đảm bảo chính xác, đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
08	2.000913.000.00.00.H48	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	- Sửa đổi thẩm quyền chứng thực; - Bổ sung căn cứ pháp lý.
09	2.000927.000.00.00.H48	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền	- Sửa đổi thẩm quyền chứng thực; - Bổ sung căn cứ pháp lý.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	
10	2.000942.000.00.00.H48	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	- Sửa đổi thẩm quyền chứng thực; - Bổ sung căn cứ pháp lý.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
11	2.000992.0 00.00.00.H4 8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	- Sửa đổi tên TTHC từ: “<i>Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp</i>” thành “<i>Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã</i>”. - Sửa đổi thẩm quyền theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; - Bổ sung căn cứ pháp lý.
12	2.001008.0 00.00.00.H4 8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02	- Sửa đổi tên TTHC từ: “<i>Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp</i>” thành

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
			giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	<i>“Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã”;</i> - Sửa đổi thẩm quyền theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; - Bổ sung căn cứ pháp lý.

III. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Ghi chú
01	2.001044.000.00.0 0.H48	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Theo mô tổ chức hình chính quyền địa phương 02 cấp
02	2.001050.000.00.0 0.H48	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp
03	2.001052.000.00.0 0.H48	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp